

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST

Ngày 25-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thiệm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí T (sau đây viết tắt là G Bank); địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 phố T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Lê P – Nhân viên xử lý nợ, Phòng Kinh doanh, GBank chi nhánh Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 12/2020/UQ-GĐ ngày 02/01/2020). Có mặt

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q (sau đây viết tắt là Công ty Q); địa chỉ: Số 760 đường L, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân Q – Giám đốc Công ty TNHH Q, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trịnh Hồng G và bà Bùi Thị Hồng N; cùng địa chỉ: Số 213 đường P, khu P 2, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Đều vắng mặt.

+ Ông Trịnh Xuân Trường và bà Phạm Thị Huyền; cùng địa chỉ: Số 213 đường P, khu P 2, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/01/2013, Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu Khí T tại Hải Phòng (nay chuyển đổi thành Ngân Hàng Thương Mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí T) và Công ty Q có ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0005/2013/HĐTD/GPB-HP, với nội dung: Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu Khí T tại Hải Phòng cho Công ty Q vay thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là: 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn); Loại tiền vay: Việt Nam đồng; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể và mỗi khế ước nhận nợ không quá 06 tháng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng, từ ngày 29/01/2013 đến ngày 29/01/2014. Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + Biên độ theo quy định của G Bank tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của G Bank tại từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng này bao gồm:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất (100m²) và tài sản gắn liền với đất tại xã Đ, huyện A (nay là khu P 2, phường Đ 1, quận H), thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0282505, vào sổ số 03449 QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là quận H), thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/1995 đứng tên ông Trịnh Xuân T (Theo Hợp đồng thế chấp số 0342/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 30/10/2009 và các phụ lục hợp đồng thế chấp giữa G Bank với Công ty Q và bên thứ ba là ông Trịnh Xuân T và bà Phạm Thị H).

Tài sản thế chấp thứ 2: Quyền sử dụng đất (63m²) và tài sản gắn liền với đất tại xã Đ, huyện A (nay là khu P 2, phường Đ 1, quận H), thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 866964 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04633 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/05/2001 đứng tên ông Trịnh Xuân T (Theo Hợp đồng thế chấp số 0342/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 30/10/2009 và các phụ lục hợp đồng thế chấp giữa G Bank với Công ty Q và bên thứ ba là ông Trịnh Xuân T và bà Phạm Thị H).

Tài sản thế chấp thứ 3: Quyền sử dụng đất (100m²) và tài sản gắn liền với đất tại xã Đ, huyện A (nay là khu P 2, phường Đ 1, quận H), thành phố Hải Phòng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0282506, vào sổ số 03450 QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là quận H), thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/1995 đứng tên ông Trịnh Hồng G (Theo Hợp đồng thế chấp số 0343/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 30/10/2009

và các phụ lục hợp đồng thế chấp giữa G Bank với Công ty Q và bên thứ ba là ông Trịnh Hồng G và bà Bùi Thị Hồng N).

Thực hiện hợp đồng tín dụng số 0005/2013/HĐTD/GPB-HP ký ngày 29/01/2013 và các phụ lục liên quan, G Bank đã giải ngân cho bên vay theo Khế ước nhận nợ số 0005.01/2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013 như sau: Số tiền vay: 2.600.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng (Từ ngày 29/01/2013 đến ngày 29/07/2013). Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần vào ngày 29 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên là 12%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + Biên độ theo quy định của G Bank tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của G Bank tại từng thời kỳ. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập sắt thép cho Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải T. Hình thức giải ngân: chuyển khoản cho Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải T. Phương thức thanh toán: Trả nợ gốc: gốc trả linh hoạt trong thời hạn vay; Trả nợ lãi: Vào ngày 20 hàng tháng theo dư nợ thực tế; Ngày trả lãi đầu tiên 20/02/2013; Ngày trả gốc cuối cùng: 29/07/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 0005/2013/HĐTD/GPB-HP, Công ty Q đã trả lãi cho G Bank được 03 tháng thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay. Vì vậy, từ ngày 20/05/2013 món vay chuyển nợ quá hạn. G Bank liên tục có công văn đôn đốc nợ vào các ngày 21/08/2013, 29/10/2013, 29/11/2013, 31/12/2013, 06/02/2014, 29/04/2014, 29/06/2014, 06/11/2014, 20/11/2014, 10/12/2014, 03/11/2015, 08/07/2016 05/11/2016, 10/01/2017 nhưng đến nay phía Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Tổng dư nợ tín dụng của Bên vay theo Hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến ngày 24/8/2020 bao gồm cả dư nợ gốc và dư nợ lãi là 5.555.210.335 đồng (trong đó, nợ gốc: 2.600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn bị quá hạn: 73.854.878 đồng, lãi phạt trên lãi: 83.105.457 đồng, lãi phạt trên nợ gốc: 2.798.250.000 đồng).

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, G Bank xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản Lãi phạt trên lãi là 83.105.457 đồng. G Bank đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện sau đây:

1. Buộc Công ty Q phải thanh toán số tiền còn nợ cho G Bank theo Hợp đồng tín dụng số 0005/2013/HĐTD/GPB-HP ký ngày 29/01/2013 và Khế ước nhận nợ số 0005.01/2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013 tạm tính đến ngày 24/8/2020 gồm:

+ Nợ gốc	: 2.600.000.000 đồng
+ Nợ lãi trong hạn bị quá hạn	: 73.854.878 đồng
+ Lãi phạt trên nợ gốc	: 2.798.250.000 đồng
+ Tổng cộng	: 5.472.104.878 đồng

và khoản tiền lãi trong hạn bị quá hạn, lãi phạt trên nợ gốc phát sinh tính từ ngày 25/8/2020 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

2. Trong trường hợp Công ty Q chưa hoặc không thanh toán được khoản nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên phát mại các tài sản thế chấp nêu trên.

3. Nếu số tiền sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết toàn bộ khoản nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2018, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Xuân Q trình bày:

Ngày 29/01/2013, Công ty Q do ông làm giám đốc và Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu Khí T tại Hải Phòng (nay chuyển đổi thành Ngân Hàng Thương Mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu Khí T) có ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0005/2013/HDTD/GPB-HP, với nội dung: Chi nhánh ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu Khí T tại Hải Phòng cho Công ty Q vay thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là: 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn); Loại tiền vay: Việt Nam đồng; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể và mỗi khế ước nhận nợ không quá 06 tháng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng, từ ngày 29/01/2013 đến ngày 29/01/2014. Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + Biên độ theo quy định của G.Bank tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của G Bank tại từng thời kỳ.

Do ông có mối quan hệ quen biết thân tình nhiều năm với ông Trịnh Xuân T cùng vợ là bà Phạm Thị H và ông bà Trịnh Hồng G cùng vợ là bà Bùi Thị Hồng N nên họ đã cho Công ty Q mượn các tài sản để đảm bảo cho khoản vay của công ty Q với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng trên, cụ thể bao gồm các tài sản sau:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất (100m²) và tài sản gắn liền với đất tại xã Đ, huyện A (nay là khu P 2, phường Đ 1, quận H), thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0282505, vào sổ số 03449 QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là quận H), thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/1995 đứng tên ông Trịnh Xuân T.

Tài sản thế chấp thứ 2: Quyền sử dụng đất (63m²) và tài sản gắn liền với đất tại xã Đ, huyện A (nay là khu P 2, phường Đ 1, quận H), thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 866964 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04633 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/05/2001 đứng tên ông Trịnh Xuân T.

Tài sản thế chấp thứ 3: Quyền sử dụng đất (100m²) và tài sản gắn liền với đất (nhà ở 2 tầng) tại xã Đ, huyện A (nay là khu P 2, phường Đ 1, quận H), thành phố Hải Phòng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0282506, vào sổ số 03450 QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là quận H), thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/1995 đứng tên ông Trịnh Hồng G.

Thực hiện hợp đồng tín dụng số 0005/2013/HĐTD/GPB-HP ký ngày 29/01/2013 và các phụ lục liên quan, G Bank đã giải ngân cho Công ty Q theo Khế ước nhận nợ số 0005.01/2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013 như sau: Số tiền vay: 2.600.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng (Từ ngày 29/01/2013 đến ngày 29/07/2013). Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần vào ngày 29 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên là 12%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + Biên độ theo quy định của G Bank tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của G Bank tại từng thời kỳ. Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập sắt thép cho Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải T. Hình thức giải ngân: chuyển khoản cho Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại vận tải T. Phương thức thanh toán: Trả nợ gốc: gốc trả linh hoạt trong thời hạn vay; Trả nợ lãi: Vào ngày 20 hàng tháng theo dư nợ thực tế; Ngày trả lãi đầu tiên 20/02/2013; Ngày trả gốc cuối cùng: 29/07/2013.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 0005/2013/HĐTD/GPB-HP, do việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay nên ngày 20/05/2013 món vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gửi công văn đôn đốc trả nợ, nhưng đến nay phía Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Ông xác nhận tính đến ngày 31/3/2018, Công ty Q còn nợ của G Bank theo Hợp đồng tín dụng trên bao gồm cả dư nợ gốc và dư nợ lãi là 4.579.541.654 đồng (trong đó: nợ gốc là 2.600.000.000 đồng, nợ lãi là 1.979.541.654 đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 31/3/2018.

Quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của G Bank như sau: Do hiện tại Công ty Q không có khả năng thanh toán, nên ông sẽ thương lượng với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án để họ bàn giao tài sản cho G Bank xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Công ty Q sẽ xác nhận số nợ với họ và có trách nhiệm thanh toán cho họ sau.

Tại bản tự khai ngày 15/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Hồng N trình bày: Do bố chồng bà là ông Trịnh Trọng G có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Xuân Q – Giám đốc Công ty Q nên có thuyết phục vợ chồng bà (Bùi Thị Hồng N và Trịnh Hồng G) cho Công ty Q mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng. Ngày 30/10/2019, vợ chồng bà đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 0343/HĐTC-GPBHP/09 với Ngân hàng Dầu khí T để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Q. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và ngôi nhà 02 tầng kết cấu bê tông cốt thép được xây dựng trên thửa đất số 284C, tờ bản đồ số 01, diện tích 100m² tại xã Đ, huyện A nay là số 213 đường P, tổ dân phố P 2, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số D0282506, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 03450QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho chồng bà là ông Trịnh Hồng G. Việc thế chấp này là hoàn toàn tự

nguyên, không bị ai lừa dối, ép buộc và chữ ký trong hợp đồng thế chấp, các phụ lục, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp là chữ ký của vợ chồng bà. Hiện tài sản này do vợ chồng bà quản lý, sử dụng. Quan điểm của bà đối với yêu cầu khởi kiện của G bank như sau: Việc Công ty Q vay nợ trước tiên Công ty Q phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng để hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà. Vợ chồng bà không liên quan gì về kinh tế với Công ty Q cũng như cá nhân ông Q là Giám đốc. Công ty Q sử dụng nguồn tiền được Ngân hàng cấp tín dụng vào việc gì vợ chồng bà không được biết và cũng không can thiệp. Để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà, bà có nguyện vọng được ưu tiên trước nhất trong việc mua lại tài sản của vợ chồng bà trong trường hợp Công ty Q không thể trả được nợ mà Ngân hàng buộc phải xử lý tài sản mà vợ chồng bà đã thế chấp.

Tại bản tự khai ngày 10/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Xuân T và bà Phạm Thị H trình bày:

Ông Trịnh Xuân T là xã viên của Hợp tác xã B. Theo yêu cầu của hợp tác xã mượn tài sản của xã viên để thế chấp ngân hàng vay vốn kinh doanh xây dựng hợp tác xã, ông có nhất trí giao cho ông Nguyễn Trọng Q - cán bộ Hợp tác xã B mượn 02 tài sản của mình là: 100m² đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0282505, vào sổ số 03449 QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là quận H), thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/1995 đứng tên Trịnh Xuân T; 63m² đất của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 866964 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04633 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/05/2001 đứng tên Trịnh Xuân T để thế chấp ngân hàng. Sau đó, ông Q có đưa các hồ sơ cho ông ký (ông Q đã chết từ năm 2013). Sau này ông biết ông Q đã lấy các giấy tờ đất đó của ông cho ông Nguyễn Xuân Q là Giám đốc Công ty Q mượn để thế chấp tại Ngân hàng Dầu khí T. Ông không liên quan gì đến việc vay tiền của Công ty Q. Vì vậy, ông yêu cầu Ngân hàng và Công ty Q trả lại tài sản giấy tờ đất cho ông, vì đây là tài sản của bố mẹ ông cho ông. Ông đã cúng tiến vào cho Khu di tích lịch sử kháng chiến chống Pháp từ đường họ Trịnh Phương Lưu, nơi thành lập Chi bộ Đảng CSVN đầu tiên của xã Đ để mở rộng khu truyền thống cách mạng của Đảng. Ông đề nghị Tòa án kiểm tra lại thủ tục vay tiền của Công ty Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Hồng G mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo, giấy triệu tập, nhưng không đến Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng số 0005/2013/HĐTD/GPB-HP ký ngày 29/01/2013 và Khế ước nhận nợ số 0005.01/2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013. Tuy nhiên, do bị đơn không hợp tác với nguyên đơn trong việc trả nợ; người đại diện hợp pháp của bị đơn thay đổi địa chỉ

và số điện thoại, nhưng không thông báo cho nguyên đơn nên nguyên đơn không thể liên lạc được để bàn bạc, trao đổi. Đồng thời, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặc dù biết rõ bị đơn không có khả năng trả nợ, nhưng cũng không tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho nguyên đơn để xử lý thu hồi nợ. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp nêu trên cho thấy:

Đối với tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất (100m²) và tài sản gắn liền với đất tại xã Đ, huyện A (nay là số 213 đường P, tổ dân phố P 2, phường Đ 1, quận H), thành phố Hải Phòng thuộc Thửa đất số 284B, Tờ bản đồ số 01; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0282505, vào sổ số 03449 QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/1995 đứng tên ông Trịnh Xuân T. Qua khảo sát đo đạc, diện tích đất thực tế bằng diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trịnh Xuân T. Các tài sản có trên thửa đất này bao gồm: Một phần công trình xây dựng là nhà 02 tầng, tường gạch, khung mái bê tông cốt thép vôi, diện tích xây dựng là 61,6m²/64,5m²; một phần công trình xây dựng là nhà 01 tầng khung mái bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 22,6m²/39,3 m².

Đối với tài sản thế chấp thứ 2: Quyền sử dụng đất (63m²) và tài sản gắn liền với đất tại xã Đ, huyện A (nay thuộc ngõ 213 đường P, tổ dân phố P 2, phường Đ 1, quận H), thành phố Hải Phòng thuộc Thửa đất số 328, Tờ bản đồ số 01; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 866964 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04633 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/05/2001 đứng tên ông Trịnh Xuân T. Qua khảo sát đo đạc, diện tích đất trên hiện là một phần thửa đất xây dựng Biệt thự Nam Nhung tại số 15+17 ngõ 213 đường P; biệt thự này do ông Trịnh Hồng G và bà Bùi Thị Hồng N đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, do ông G và bà N không hợp tác nên Tòa án không thể tiến hành đo đạc xác định các mốc giới của phần vật, kiến trúc có trên thửa đất này.

Đối với tài sản thế chấp thứ 3: Quyền sử dụng đất (100m²) và tài sản gắn liền với đất tại xã Đ, huyện A (nay là số 213 đường P, tổ dân phố P 2, phường Đ 1, quận H), thành phố Hải Phòng thuộc Thửa đất số 284C, Tờ bản đồ số 01; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0282506, vào sổ số 03450 QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/1995 đứng tên ông Trịnh Hồng G. Qua khảo sát đo đạc, diện tích đất thực tế bằng diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trịnh Hồng G. Các tài sản có trên thửa đất này bao gồm: Một phần công trình xây dựng là nhà 02 tầng, tường gạch, khung mái bằng bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 54,8m²/59,7m²; một phần công trình xây dựng là nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 11,3m²/21,2m², kết cấu tường gạch, khung mái bê tông cốt thép; một phần công trình xây dựng là nhà lưu niệm 01 tầng, tường gạch, khung mái bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 8,4m²/53,4m².

Cả 03 tài sản thế chấp trên đều nằm trong chỉ giới quy hoạch Dự án Khu đô thị Lạch Tray - Hồ Đông theo Thông báo thu hồi số 158/TB-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 1: Biệt thự Nam Nhung của ông Trịnh Hồng G và bà Bùi Thị Hồng N được xây dựng năm 2015 có Giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân quận H.

Theo các tài liệu do Phòng Quản lý đô thị quận H cung cấp: Biệt thự Nam Nhung được Ủy ban nhân dân quận H cấp Giấy phép xây dựng tạm số 8B/GPXD-UBND ngày 26/01/2015 cho bà Bùi Thị Hồng N, địa chỉ liên hệ: Số 213 đường P, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng. Biệt thự này được xây dựng trên 04 thửa đất, trong đó có Thửa đất số 328, Tờ bản đồ số 01, diện tích 63m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 866964 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04633 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/05/2001 đứng tên ông Trịnh Xuân T; ông T đã ủy quyền cho bà N được xây dựng công trình trên mảnh đất này (văn bản ủy quyền ký ngày 21/01/2015 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng). Vị trí xin cấp phép xây dựng nằm vào chỉ giới quy hoạch Dự án Khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Phương Lưu, chưa có Quyết định thu hồi đất.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của G Bank về việc yêu cầu Công ty Q phải trả số tiền tạm tính đến ngày 24/8/2020 bao gồm: Nợ gốc: 2.600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn bị quá hạn: 73.854.878 đồng, lãi phạt trên nợ gốc: 2.798.250.000 đồng, tổng cộng là 5.472.104.878 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với số tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 24/8/2020 là 83.105.457 đồng, nên căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ việc xem xét, giải quyết đối với yêu cầu này.

Công ty Q vẫn phải tiếp tục trả cho G Bank tiền lãi phạt trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 25/8/2020 cho đến khi trả hết nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp Công ty Q không trả nợ cho G Bank, đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ cho G Bank theo quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên trong các

Hợp đồng thế chấp và Phụ lục hợp đồng thế chấp đã ký kết. Nếu số tiền sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Công ty Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết toàn bộ khoản nợ.

Về chi phí tố tụng đối với việc xem xét, thẩm định tại chỗ: G Bank không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa tổ chức với tổ chức có đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty Q, có địa chỉ trụ sở theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp: Số 760 đường L, phường Đ 1, quận H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là Công ty Q phải thanh toán số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/8/2020 là: 5.472.104.878 đồng (trong đó bao gồm: Nợ gốc: 2.600.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn bị quá hạn: 73.854.878 đồng, lãi phạt trên nợ gốc: 2.798.250.000 đồng và khoản tiền lãi tính trên nợ gốc kể từ ngày 25/8/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Hợp đồng tín dụng số 0005/2013/HĐTD/GPB-HP ký ngày 29/01/2013 và giữa G Bank – Chi nhánh Hải Phòng với Công ty Q được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội; thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ... phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm 2 Mục I của Bản các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng (dành cho khách hàng doanh nghiệp) thì trong trường hợp bên vay không thanh toán lãi, bên vay sẽ phải trả lãi theo mức lãi suất phạt bằng 150% lãi suất cho vay tính trên số nợ lãi vốn vay quá hạn và số ngày thực tế chậm thanh toán (còn gọi là Lãi phạt chậm trả). Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên, không có quy định nào của pháp luật cho phép Ngân hàng được tính khoản tiền lãi trên lãi chậm trả, vì vậy thỏa thuận của các bên về việc phạt chậm trả lãi là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 01 năm 2013, G Bank – Chi nhánh Hải Phòng đã giải ngân cho Công ty Q số tiền 2.600.000.000 đồng theo phương thức chuyển khoản, Công ty Q đã cam kết nhận nợ đối với số tiền trên tại Khế ước nhận nợ số 0005.01/2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013. Người đại diện hợp pháp của Công ty Q cũng xác nhận tính đến ngày tính đến ngày 31/03/2018, Công ty Q còn nợ của G Bank theo Hợp đồng tín dụng trên số tiền là: 4.579.541.654 đồng (trong đó bao gồm: Nợ gốc: 2.600.000.000 đồng; nợ lãi 1.979.541.654 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 31/3/2018. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của G Bank về việc buộc Công ty Q phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 24/8/2020 là 5.472.104.878 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty Quý Hải tiếp tục phải thanh toán cho G Bank tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0005/2013/HĐTD/GPB-HP ký ngày 29/01/2013 và Khế ước nhận nợ số 0005.01/2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013 kể từ ngày 25/8/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[3] Đối với số tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 24/8/2020 là 83.105.457 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi cho nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ việc xem xét, giải quyết đối với yêu cầu này.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn Công ty Q không thanh toán được khoản nợ cho G Bank, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Xét Hợp đồng thế chấp số 0342/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 30/10/2009 kèm Phụ lục số 01 ngày 21/01/2013 của Hợp đồng thế chấp giữa G Bank với Công ty Q và bên thứ ba là ông Trịnh Xuân T và bà Phạm Thị H và Hợp đồng thế chấp số 0343/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 30/10/2009 kèm Phụ lục số 01 ngày 21/01/2013 của Hợp đồng thế chấp giữa G Bank với Công ty Quý H và bên thứ ba là ông Trịnh Hồng G và bà Bùi Thị Hồng N được ký trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, được công chứng tại Phòng Công chứng số 3, thành phố Hải Phòng; tài sản thế chấp đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực; khi thế chấp các bên đều thừa nhận, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người thế chấp và không có tranh chấp với ai; trình tự thủ tục thế chấp tài sản của các bên đúng quy định tại các điều 342, 343, 715 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010; Điều 4 và Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Tại Điều 1 mục V của 02 Hợp đồng thế chấp đó có nêu: Bên thế chấp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và thông báo cho G Bank về thực trạng tài sản thế chấp,

quá trình hình thành và sự thay đổi của tài sản thế chấp trong trường hợp tài sản thế chấp hình thành trong tương lai. Không được làm thay đổi mục đích sử dụng đối với tài sản thế chấp; không được làm thay đổi hiện trạng của tài sản thế chấp (xây dựng, sửa chữa,...) khi chưa có sự chấp thuận của G Bank; không được hủy hoại, làm giảm giá trị của tài sản thế chấp. Phải thực hiện đúng các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng đã ký với GP Bank. Và tại mục 1.1 Điều 1 của Phụ lục số 01 ngày 21/01/2013 của 02 Hợp đồng thế chấp nói trên các bên còn thỏa thuận: Mọi tài sản gắn liền với đất phát sinh trước, trong và sau thời điểm nhận thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Mọi diện tích, công trình xây dựng, coi nói thêm gắn liền với đất đều thuộc tài sản thế chấp. Tại hợp đồng thế chấp số 0342/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 30/10/2009 đối với tài sản thế chấp thứ hai là Thửa đất số 284B, Tờ bản đồ số 01, diện tích 63m² có nêu tài sản gắn liền với thửa đất này là nhà 01 tầng, diện tích 63m². Việc ông Trịnh Xuân T ủy quyền cho bà Bùi Thị Hồng N được xây dựng nhà trên diện tích 63m² đất của Thửa đất số 328, Tờ bản đồ số 1 trong khi Thửa đất này đang thế chấp tại GP Bank mà chưa có sự chấp thuận của G Bank là trái với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp, vi phạm nghĩa vụ của bên thế chấp theo quy định tại Điều 717 của Bộ luật dân sự năm 2005. Bà N biết rõ toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với thửa đất trên của ông Trường đang thế chấp tại G Bank, nhưng vẫn cố tình phá dỡ nhà ngôi nhà 01 tầng, diện tích 63m² có trên thửa đất là tài sản thế chấp để xây dựng nhà của mình nên toàn bộ phần tài sản mà bà N đầu tư, xây dựng trên thửa đất này (được xác định theo sơ đồ trong Phiếu điều tra về xây dựng và Hồ sơ xin phép xây dựng của chủ đầu tư là bà Bùi Thị Hồng N do Phòng Quản lý đô thị quận Hải An cung cấp) cũng là tài sản thế chấp.

Vì vậy, G Bank yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty Q không trả được nợ là phù hợp với quy định tại các điều 355, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu: Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với G Bank. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn – Công ty Q vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho G Bank. Xét yêu cầu này của G Bank là phù hợp với quy định của pháp luật về xử lý tài sản thế chấp và thỏa thuận của các bên trong các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất nói trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng đối với việc xem xét, thẩm định tại chỗ: G Bank không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; các điều 122, 124, 342, 343, 355, 715, 716, 717, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010; khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 4, 10 và 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí T.

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí T số tiền tạm tính đến ngày 24/8/2020 bao gồm: Nợ gốc: 2.600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn bị quá hạn: 73.854.878 đồng, lãi phạt trên nợ gốc: 2.798.250.000 đồng, tổng cộng là 5.472.104.878 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu, một trăm linh tư nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 0005/2013/HĐTD/GPB-HP ký ngày 29/01/2013 và Khế ước nhận nợ số 0005.01/2013/KUNN/GPB-HP ngày 29/01/2013.

Kể từ ngày 25/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (Công ty Q) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nói trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền lãi phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 24/8/2020 là 83.105.457 đồng.

3. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm sau đây theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ, cụ thể bao gồm:

Tài sản thứ nhất: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Thửa đất số 284B, Tờ bản đồ số 01, diện tích 100m² tại xã Đ, huyện A (nay là số 213 đường P, tổ dân phố P 2, phường Đ 1, quận Hải An), thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0282505, vào sổ số 03449 QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện A (nay

là quận H), thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/1995 đứng tên ông Trịnh Xuân T (Theo Hợp đồng thế chấp số 0342/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 30/10/2009 và Phụ lục số 01 ngày 21/01/2013 giữa GP Bank với Công ty Quý Hải và bên thứ ba là ông Trịnh Xuân T và bà Phạm Thị H).

Tài sản thế chấp thứ 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Thửa đất số 328, Tờ bản đồ số 01, diện tích 63m² tại xã Đ, huyện A (nay thuộc ngõ 213 đường P, tổ dân phố P 2, phường Đ 1, quận Hải An), thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 866964 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04633 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/05/2001 đứng tên ông Trịnh Xuân T (Theo Hợp đồng thế chấp số 0342/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 30/10/2009 và Phụ lục số 01 ngày 21/01/2013 giữa G Bank với Công ty Q và bên thứ ba là ông Trịnh Xuân T và bà Phạm Thị H).

Tài sản thế chấp thứ 3: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Thửa đất số 284C, Tờ bản đồ số 01, diện tích 100m² tại xã Đ, huyện A (nay là số 213 đường P, tổ dân phố P 2, phường Đô 1, quận H), thành phố Hải Phòng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0282506, vào sổ số 03450 QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là quận H), thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/1995 đứng tên ông Trịnh Hồng G (Theo Hợp đồng thế chấp số 0343/HĐTC/GPB-HP/09 ngày 30/10/2009 và Phụ lục số 01 ngày 21/01/2013 giữa G Bank với Công ty Q và bên thứ ba là ông Trịnh Hồng G và bà Bùi Thị Hồng N).

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí T.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q phải chịu 113.472.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm linh năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dầu khí T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016405 ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng là 56.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình